TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26/2019/DS-ST.
Ngày: 09/7/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Tùng**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Thanh Phong**
2. Bà **Nguyễn Thị Hằng**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Tô Văn Đằng**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2018/TLST- DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 72/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm T, sinh năm 1986. Là đại diện hộ kinh doanh Tân Quang Minh I.

Địa chỉ: Số 222 ấp Hòa L, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

Người đại diện ủy quyền của ông Trịnh Cẩm T: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 99 đường 30/4, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc T. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1972. (có mặt)
2. Bà Tô Thị Đ, sinh năm 1974. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Lương Văn H, xã Ngọc T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2018 nguyên đơn là ông Trịnh Cẩm T và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H trình bày: Vào khoảng tháng 07/2015, ông Thăng với ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng ông Trịnh Cẩm T là đại diện hộ kinh doanh Tân Quang Minh I sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản do Công ty Việt H sản xuất cho ông, bà, khi ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ đặt hàng thì hàng hóa sẽ được nhân viên giao hàng chở tận nơi

tại kho của ông, bà hoặc ông, bà lại tận kho của ông T nhận hàng, khi nhận đủ hàng thì phía ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ sẽ ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng hộ kinh doanh gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ kiểm tra và ký xác nhận. Thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ nuôi tôm, khi thu tôm ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán hết số tiền hàng cho ông T. Căn cứ vào thỏa thuận mua bán trên ông T đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên thỏa thuận, sau khi nhận hàng ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ đều ký vào sổ theo dõi và không hề có ý kiến phản đối hay khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà tôi đã giao. Tuy nhiên, ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ông T, cuối mỗi vụ thu tôm ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho T như thỏa thuận. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/06/2018 được ký giữa ông và ông Huỳnh Văn R thì ông R thừa nhận còn nợ ông T số tiền 346.535.000đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng), đến ngày 26/06/2018 thì phía ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ có trả cho ông T số tiền 20.000.000đồng. Vì vậy, số nợ hiện tại mà ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ còn nợ ông T số tiền là 326.535.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Mặc dù ông T đã nhiều lần điện thoại và xuống tận nhà yêu cầu thanh toán công nợ nhưng ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ vẫn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Việc ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ không trả nợ đã gây cho ông T nhiều khó khăn, thiệt hại.

Nay ông Trịnh Cẩm T yêu cầu ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ phải trả cho ông số tiền còn thiếu (nợ gốc) là: 326.535.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) và phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm tương đương với 0.833%/tháng tạm tính từ ngày 27/06/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Rỡ trình bày:

Vào khoảng tháng 07/2015, ông T với ông và bà Tô Thị Đ có thỏa thuận mua bán bằng lời nói rằng hộ kinh doanh sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản cho ông và bà Tô Thị Đ, khi ông và bà Tô Thị Đ đặt hàng thì hàng hóa sẽ được nhân viên của ông T giao hàng chở tận nơi tại kho của ông, bà R hoặc ông, bà Đ lại tận kho của ông T nhận hàng, khi nhận đủ hàng thì phía ông và bà Tô Thị Đ đều ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng ông T gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông và bà Tô Thị Đ kiểm tra và ông, bà Đ ký xác nhận cho ông T. Phía ông T đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên thỏa thuận, sau khi nhận hàng ông và bà Tô Thị Đ đều ký vào sổ theo dõi và không hề có ý kiến phản đối hay khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông T đã giao. Thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ nuôi tôm, khi thu tôm ông và bà Tô Thị Đ có nghĩa vụ phải thanh toán hết số tiền hàng cho ông T. Tuy nhiên việc nuôi tôm những năm gần đây gặp khó khăn nên ông và bà Tô Thị Đ không thực hiện có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông T như thỏa thuận. Hiện nay ông và bà Tô Thị Đ còn nợ ông T số tiền là 326.535.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).* Về số tiền lãi thì ông và bà Tô Thị Đ yêu cầu Tòa án xem xét lại vì khi ông T bán

thiếu cho ông, bà Tô Thị Đ thì ông T đã tính lãi trong đó rồi. Còn số tiền vốn do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông, bà Tô Thị Đ không thể trả một lần được, nên ông và bà Đ yêu cầu trả dần trong 04 năm.

Bị đơn bà Tô Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận bà và ông R mua thức ăn và thuốc thủy sản và ông Trịnh Cẩm T và còn nợ ông T số tiền là 326.535.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).* Về số tiền lãi thì bà yêu cầu Tòa án xem xét lại vì khi ông T bán thiếu cho vợ chồng bà thì ông T đã tính lãi trong đó rồi. Còn số tiền vốn do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng bà không thể trả số tiền trên một lần cho ông T được, nên vợ chồng bà yêu cầu ông T cho trả dần trong 04 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về nội dung:

[1] Ông Trịnh Cẩm T yêu cầu ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ phải trả cho ông số tiền còn thiếu (nợ gốc) là: 326.535.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) và* phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm tương đương với 0.833%/tháng tạm tính từ ngày 27/06/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp cho Tòa án "Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/06/2018" ông Huỳnh Văn R có ký tên và ông R thừa nhận ông còn nợ ông T số tiền 346.535.000đồng

[3] Việc bị đơn ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, do bị đơn đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa các bên nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015..

[4] Còn đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiềm chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/năm (theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015). Đối chiếu theo quy định trên thì do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn do đó cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp, việc tính lãi từ ngày 27/6/2018 là ngày vi phạm hợp đồng cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/7/2019) là 12 tháng 12 ngày, cụ thể như sau:

Số nợ: 346.535.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng 12 ngày = 35.665.376 đồng

Tổng cộng vốn và lãi là 346.535.000 đồng + 35.665.376 đồng = 382.200.376 đồng

[5] Xét yêu cầu của bị đơn yêu cầu giãm lãi là không có cở sở vì bị đơn ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ không thực hiện việc thanh toán nợ đầy đủ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm mặc khác nguyên đơn cũng không đồng ý giãm lãi cho nguyên đơn. Nên yêu cầu xem xét lại lãi suất của bị đơn là không có căn cứ để tòa án chấp nhận.

[6] Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là 382.200.376 đồng trong đó số tiền vốn là 346.535.000 đồng, lãi là 35.665.376 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 19.110.018 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 357; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T số tiền là 382.200.376 đồng trong đó số tiền vốn là 346.535.000 đồng, lãi là 35.665.376 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trịnh Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ còn phải trả lãi cho ông Trịnh Cẩm Thăng theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **8.350.800** đồng, theo biên lai thu số 0005345, ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông ông Huỳnh Văn R và bà Tô Thị Đ phải liên đới chịu là 19.100.431 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;*
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Tùng